



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐẠM KHÔ MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

M

|

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

MỤC LỤC

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch
Ông Trương Công Minh	Ủy viên
Ông Trần Quốc Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Công Minh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2015

Số: 1924 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 7 năm 2015, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 7 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.125.027.185	161.631.036.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	105.488.305.069	87.464.657.705
1. Tiền	111		40.488.305.069	19.464.657.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	68.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.314.179.835	33.293.330.517
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.480.271.808	2.337.404.066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	22.945.563.582	30.878.470.020
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	888.344.445	77.456.431
III. Hàng tồn kho	140	9	26.734.771.759	40.293.349.975
1. Hàng tồn kho	141		26.842.324.759	40.293.349.975
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(107.553.000)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		587.770.522	579.697.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		276.094.853	146.204.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		311.675.669	433.493.592
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.609.879.447	29.110.670.163
I. Tài sản cố định	220		21.058.196.903	21.433.387.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	21.054.362.517	21.421.508.062
- Nguyên giá	222		34.053.665.556	33.231.714.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.999.303.039)	(11.810.206.585)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.834.386	11.879.382
- Nguyên giá	228		48.670.000	48.670.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.835.614)	(36.790.618)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		108.108.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		108.108.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.443.574.544	7.677.282.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.443.574.544	5.241.588.455
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.435.694.264
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		195.734.906.632	190.741.706.285

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

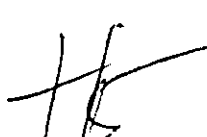
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

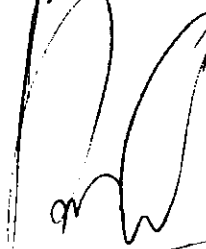
MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.592.493.121	43.258.989.262
I. Nợ ngắn hạn	310		43.592.493.121	43.258.989.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	16.363.483.840	15.977.138.308
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	12.521.854.891	9.135.019.177
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.733.318.776	4.080.491.933
4. Phải trả người lao động	314		348.742.377	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.141.911.416	3.229.312.033
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.612.268.512	7.944.069.612
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.870.913.309	2.892.958.199
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.142.413.511	147.482.717.023
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	152.142.413.511	147.482.717.023
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.999.025.750	8.999.025.750
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.143.387.761	18.483.691.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		7.683.691.273	7.155.048.992
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.459.696.488	11.328.642.281
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		195.734.906.632	190.741.706.285


 Nguyễn Thị Thu Hà
 Người lập biểu

Ngày 29 tháng 7 năm 2015


 Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng



 Trương Công Minh
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

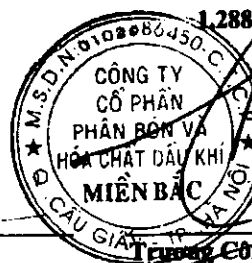
MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014	
			Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	828.675.261.002	756.000.924.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	11.130.287.461	4.458.142.854
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		817.544.973.541	751.542.781.452
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	775.113.170.715	709.270.482.425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.431.802.826	42.272.299.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.009.359.389	1.362.479.006
7. Chi phí bán hàng	25	21	12.331.075.264	15.752.389.965
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	7.795.550.516	9.020.983.671
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		23.314.536.435	18.861.404.397
10. Thu nhập khác	31		6.040.000	4.622.113.197
11. Lợi nhuận khác (40=31)	40		6.040.000	4.622.113.197
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.320.576.435	23.483.517.594
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.697.003.951	6.315.218.738
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.435.694.264	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.187.878.220	17.168.298.856
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.288	1.267


 Nguyễn Thị Thu Hà
 Người lập biểu


 Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng




 Trương Công Minh
 Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

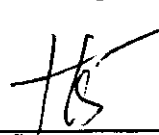
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

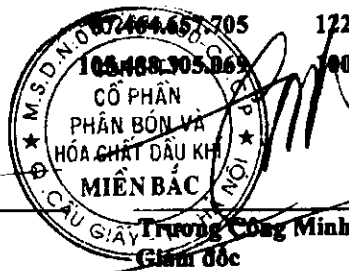
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
		đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.320.576.435	23.483.517.594
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.316.950.541	1.362.211.926
Các khoản dự phòng	03	107.553.000	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.012.659.389)	(1.362.479.006)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.732.420.587	23.483.250.514
(Tăng) các khoản phải thu	09	(3.882.043.381)	(33.719.428.885)
Giảm hàng tồn kho	10	13.451.025.216	31.772.311.200
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.703.774.281	(23.233.929.774)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	668.123.391	(213.464.811)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.045.229.483)	(6.228.628.824)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.750.226.622)	(3.185.317.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.877.843.989	(11.324.708.361)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.049.868.000)	(68.000.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.300.000	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	992.371.375	1.280.612.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.196.625)	1.212.612.338
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.800.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.800.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	18.023.647.364	(22.112.096.023)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	107.464.657.705	122.430.581.814
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	105.488.305.064	100.318.485.791


 Nguyễn Thị Thu Hà
 Người lập biểu


 Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (“Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 3 năm 2012 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 52 người).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tư, sơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

10/01/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	64.882.045	82.816.165
Tiền gửi ngân hàng	40.423.423.024	19.381.841.540
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	68.000.000.000
	<u>105.488.305.069</u>	<u>87.464.657.705</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.768.993.717	2.281.890.063
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.613.490.668	-
Công ty TNHH Việt Mỹ	9.062.239.955	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.547.468	55.514.003
	<u>13.480.271.808</u>	<u>2.337.404.066</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>4.399.663.085</u>	<u>2.337.404.066</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	22.945.563.582	30.878.470.020
	<u>22.945.563.582</u>	<u>30.878.470.020</u>
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>22.945.563.582</u>	<u>30.878.470.020</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho người lao động	793.900.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	94.444.445	77.456.431
	<u>888.344.445</u>	<u>77.456.431</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	2.214.100	-	19.140.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	57.656.079	-	-	-
Hàng hoá	26.782.454.580	(107.553.000)	40.274.209.975	-
Cộng	<u>26.842.324.759</u>	<u>(107.553.000)</u>	<u>40.293.349.975</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 107.553.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.077.312.198	2.714.643.617	1.896.465.632	543.293.200	33.231.714.647
Mua sắm mới	-	941.760.000	-	-	941.760.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(119.809.091)	-	(119.809.091)
Tại ngày 30/6/2015	28.077.312.198	3.656.403.617	1.776.656.541	543.293.200	34.053.665.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.321.563.955	1.843.129.607	1.611.278.110	34.234.913	11.810.206.585
Trích khấu hao trong kỳ	979.668.612	206.969.042	54.914.417	67.353.474	1.308.905.545
Thanh lý	-	-	(119.809.091)	-	(119.809.091)
Tại ngày 30/6/2015	9.301.232.567	2.050.098.649	1.546.383.436	101.588.387	12.999.303.039
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	18.776.079.631	1.606.304.968	230.273.105	441.704.813	21.054.362.517
Tại ngày 31/12/2014	19.755.748.243	871.514.010	285.187.522	509.058.287	21.421.508.062

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.004.354.578 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.962.763.669 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền thuê văn phòng	3.948.147.600	4.935.184.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	495.426.944	306.403.955
	4.443.574.544	5.241.588.455

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.965.824.662	14.858.560.200
Các nhà cung cấp khác	3.397.659.178	1.118.578.108
	16.363.483.840	15.977.138.308
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 26)	13.506.084.144	15.394.991.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sơn	4.138.050.220	-
Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	2.384.526.540	3.496.332.500
Các khách hàng khác	5.999.278.131	5.638.686.677
	<u>12.521.854.891</u>	<u>9.135.019.177</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>5.940.722.092</u>	<u>537.696.903</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	932.635.591	932.635.591	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.921.886.758	2.697.003.951	5.045.229.483	1.573.661.226
Các loại thuế khác	158.605.175	752.612.281	751.559.906	159.657.550
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	158.605.175	749.612.281	748.559.906	159.657.550
Cộng	<u>4.080.491.933</u>	<u>4.382.251.823</u>	<u>6.729.424.980</u>	<u>1.733.318.776</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.847.152.638	7.842.025.530
Phải trả, phải nộp khác	765.115.874	102.044.082
	<u>6.612.268.512</u>	<u>7.944.069.612</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	120.000.000.000	4.297.277.832	3.393.707.775	19.155.048.992	146.846.034.599
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.160.802.852	26.160.802.852
Trích lập các quỹ	-	-	1.308.040.143	(5.232.160.571)	(3.924.120.428)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	120.000.000.000	4.297.277.832	4.701.747.918	18.483.691.273	147.482.717.023
Trình bày lại theo Thông tư số 200/TT-BTC	-	4.701.747.918	(4.701.747.918)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	120.000.000.000	8.999.025.750	-	18.483.691.273	147.482.717.023
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	18.187.878.220	18.187.878.220
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.728.181.732)	(2.728.181.732)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	120.000.000.000	8.999.025.750	-	23.143.387.761	152.142.413.511

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 20.400.000.000 đồng. Năm 2014, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 9.600.000.000 đồng, phần còn lại đã được chi trả bằng tiền trong 6 tháng đầu năm 2015. Công ty cũng thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 15% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015.

Cổ phiếu

	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 30/6/2015	Vốn đã góp 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Hồng Thành	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3.600.000.000
Các cổ đông khác	12.000.000.000	10	12.000.000.000	12.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu Ure Phú Mỹ	682.440.296.500	651.766.753.384
Doanh thu hàng hóa khác	136.910.706.791	97.826.380.956
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.324.257.711	6.407.789.966
	828.675.261.002	756.000.924.306
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(11.130.287.461)	(4.458.142.854)
	817.544.973.541	751.542.781.452
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	244.570.103.053	193.412.567.458

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	634.314.295.419	608.697.819.336
Giá vốn hàng hóa khác	131.677.281.454	94.682.819.537
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.014.040.842	5.889.843.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	107.553.000	-
	775.113.170.715	709.270.482.425

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.906.735.269	8.596.932.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.316.950.541	1.362.211.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.749.376.293	12.319.486.273
Chi phí khác bằng tiền	2.211.219.756	2.494.742.589
	20.184.281.859	24.773.373.636

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	3.732.343.072	3.575.988.654
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.743.825.216	7.379.297.123
Các khoản chi phí bán hàng khác	6.854.906.976	4.797.104.188
	12.331.075.264	15.752.389.965
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	4.174.392.197	5.020.944.194
Chi phí thuê văn phòng	987.036.900	1.391.761.812
Chi phí quản lý nợ Tổng Công ty	1.149.382.021	995.577.201
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.484.739.398	1.612.700.464
	7.795.550.516	9.020.983.671

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	2.697.003.951	5.166.373.871
- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	1.148.844.867
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.697.003.951	6.315.218.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.187.878.220	17.168.298.856
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(2.728.181.733)	(1.962.060.214)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.459.696.487	15.206.238.642
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.288	1.267

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	987.036.900	1.469.763.814

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	
Trong vòng một năm	1.974.073.800	1.974.073.800
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.974.073.800	2.961.110.700

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.488.305.069	87.464.657.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.368.616.253	2.414.860.497
Tổng cộng	119.856.921.322	89.879.518.202
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	22.908.823.586	23.888.453.556
Chi phí phải trả	414.764.159	155.562.902
Tổng cộng	23.323.587.745	24.044.016.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

15 / G M T N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.488.305.069	-	105.488.305.069
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.368.616.253	-	14.368.616.253
Tổng cộng	119.856.921.322	-	119.856.921.322

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	22.908.823.586	-	22.908.823.586
Chi phí phải trả	414.764.159	-	414.764.159
Tổng cộng	23.323.587.745	-	23.323.587.745

Chênh lệch thanh khoản thuần	96.533.333.577	-	96.533.333.577
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.464.657.705	-	87.464.657.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.414.860.497	-	2.414.860.497
Tổng cộng	89.879.518.202	-	89.879.518.202

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	23.888.453.556	-	23.888.453.556
Chi phí phải trả	155.562.902	-	155.562.902
Tổng cộng	24.044.016.458	-	24.044.016.458

Chênh lệch thanh khoản thuần	65.835.501.744	-	65.835.501.744
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Toàn Xuân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Hồng Thành	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	Cổ đông của Công ty
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hóa	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Mua hàng hóa	762.349.333.611	630.314.689.870
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	636.228.674.746	612.097.268.921
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	126.120.658.865	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	-	18.217.420.949
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	244.570.103.053	193.412.567.458
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.970.469.840	6.092.789.501
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.084.974.213	249.172.248
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	3.634.500.000	5.961.904.762
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	8.525.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	3.100.000.000	10.173.333.337
Công ty TNHH Toàn Xuân	8.625.000.000	18.634.758.096
Công ty TNHH Hồng Thành	34.403.235.500	30.577.333.332
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	9.039.264.000	20.401.904.765
Công ty TNHH Bằng Tuyên	16.400.000.000	20.885.180.952
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	31.690.280.000	26.966.666.664
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	46.084.550.000	34.743.809.516
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	74.012.829.500	18.725.714.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.318.650.241	1.303.462.268

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	4.399.663.085	2.337.404.066
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.613.490.668	55.514.003
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.768.993.717	2.281.890.063
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Nam	17.178.700	-
Trả trước cho người bán	22.945.563.582	30.878.470.020
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	22.945.563.582	30.878.470.020
Phải trả người bán	13.506.084.144	15.394.991.781
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	436.779.175	358.479.066
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.965.824.662	14.858.560.200
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	84.382.247	80.074.968
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	46.069.914
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	-	14.652.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Nam	-	17.102.003
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	19.098.060	20.053.630
Người mua trả tiền trước	5.940.722.092	537.696.903
Công ty TNHH Toàn Xuân	-	189.700.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	256.457.143	-
Công ty TNHH Bằng Tuyên	784.480.000	287.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	200.488.328	60.096.903
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	4.138.050.220	-
Công ty TNHH Hồng Thành	288.791.826	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Nam	272.454.575	-


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty đã được soát xét. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200.

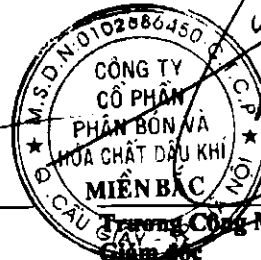


Nguyễn Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 7 năm 2015



Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Trương Công Minh
Giám đốc